

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-4-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Trọng Liêm;

Bà Đinh Thị Kiều Nhung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh DDT, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 14 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Chị CTTH, sinh năm 1985; ĐKKHKT: Số 7D1, T2N3, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Số 14 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn anh DDT có đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị CTTH được ly hôn và trình bày:

Anh và chị CTTH tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010. Sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận C, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 3 năm 2012. Quá trình chung sống thời gian đầu anh và chị CTTH hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Đến năm 2016 anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan

điểm sống, chị CTTH có những hành vi cư xử không đúng mực với bố mẹ chồng. Cũng từ năm 2017 đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai. Bản thân anh cũng không còn tình cảm với chị CTTH và không có cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy, anh DDT làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị CTTH.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là: E, sinh ngày 24/3/2012 và F, sinh ngày 17/12/2016. Ly hôn anh đề nghị được nuôi con E, để chị CTTH nuôi con F. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh DDT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Anh DDT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là chị CTTH đã biết việc anh DDT xin ly hôn chị, tuy nhiên chị CTTH từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bởi vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của chị CTTH và đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định của Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn giữa anh DDT và chị CTTH là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, chị CTTH thường xuyên mâu thuẫn với bố mẹ chồng, mặc dù tổ dân phố góp ý nhiều lần nhưng chị CTTH không tiếp thu, thay đổi. Từ năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, anh DDT đi làm ăn xa ít khi về nhà còn chị CTTH vẫn ở cùng bố mẹ chồng tại số 14 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nhưng bố mẹ chồng chị CTTH đã ngăn đôi căn nhà thành hai nửa riêng biệt để tránh va chạm với chị CTTH. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa anh DDT vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án, anh DDT giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn xử cho anh DDT được ly hôn chị CTTH. Về con chung: Giao con chung là E, sinh ngày 24/3/2012 cho anh DDT nuôi dưỡng; Giao con chung là F, sinh ngày 17/12/2016 cho chị CTTH nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Do các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về các vấn đề khác: Anh DDT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại số 14 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh DDT và chị CTTH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình nguyên đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi anh DDT, chị CTTH cư trú thấy quá trình chung sống giữa anh DDT, chị CTTH có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, chị CTTH có những cư xử không đúng mực với bố mẹ chồng. Khoảng từ năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Anh DDT đã vào thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn và tránh gặp mặt chị CTTH. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh DDT và chị CTTH là có thật. Trong bản tự khai, biên bản hòa giải anh DDT đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách và quan điểm sống, anh không còn tình cảm gì với chị CTTH, nếu tiếp tục chung sống chỉ gây đau khổ cho cả hai. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ

cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh DDT là cần thiết, bảo đảm quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho anh chị sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: E, sinh ngày 24/3/2012 và F, sinh ngày 17/12/2016. Ly hôn anh DDT đề nghị được nuôi con E, để chị CTTH nuôi con F. Việc cấp dưỡng nuôi con anh DDT tự thỏa thuận với chị CTTH và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, từ khi anh chị mâu thuẫn và sống ly thân, anh DDT và gia đình anh DDT vẫn đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu E, việc học hành, ăn ở sinh hoạt của cháu E đã ổn định. Chị CTTH đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu F, mặt khác cháu F vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Nên việc giao con chung là cháu E cho anh DDT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu F cho chị CTTH trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con E cho anh DDT trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con F cho chị CTTH trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn anh DDT không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Bị đơn chị CTTH mặc dù đã được Tòa án yêu cầu trình bày về việc giải quyết tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt nên không có ý kiến. Như vậy các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu không tự giải quyết được về tài sản chung, các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Về các vấn đề khác: Anh DDT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Anh DDT phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh DDT được ly hôn chị CTTH.

2. Về con chung: Giao con chung là: E, sinh ngày 24/3/2012 cho anh DDT trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là: F, sinh ngày 17/12/2016 cho chị CTTH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh DDT và chị CTTH tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Do các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về các vấn đề khác: Anh DDT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

5. Về án phí: Anh DDT phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010137, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Anh DDT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường D, C;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Phương**